

Bản án số: 310/2023/HS-PT

Ngày: 15-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán:

Ông **Phạm Văn Hợp**

Ông **Phạm Tồn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15-8-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 233/2023/TLPT-HS ngày 18-5-2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn N, do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 15-4-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo kháng cáo và bị kháng cáo:

Nguyễn Văn N, sinh ngày 23-3-1976 tại Đà Nẵng; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Tô A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 6/12; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Phạm Thị D; vợ là Lê Thị Thanh L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10-02-2017, Công an phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc;

Bị cáo bị bắt ngày 15-8-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại kháng cáo:

1. Ông **Trần Văn N1**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số C B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

2. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Số C B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Huỳnh Phước H1 - Công ty L1; địa chỉ: Số C L, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

2. Luật sư Nguyễn Thị Mai C - Công ty L1; địa chỉ: Số C L, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Bị hại:

1. Ông Trần Văn N1, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số C B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Số C B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3. Anh Trần Văn T, sinh năm 2002; địa chỉ cư trú: Số C B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

4. Chị Trần Thị Mỹ T1, sinh năm 2008; địa chỉ cư trú: Số C B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Mỹ T1:

Ông Trần Văn N1, sinh năm 1974 và bà Trần Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Số C B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, Nguyễn Văn N cho anh Trần Văn N1 vay 60.000.000 đồng, anh N1 đã trả được 10.000.000 đồng. Số tiền còn lại, N nhiều lần đòi, nhưng anh N1 không trả và cố tình lẩn tránh. Bực tức vì nhiều lần đòi nợ không được, N sử dụng điện thoại của mình nhắn tin cho anh N1 với nội dung đe dọa, đòi giết anh N1. Ngoài ra, N có nói chuyện với anh Nguyễn Văn S (là bạn của N và anh N1) về việc nếu gặp anh N1 ở đâu, N sẽ đánh và giết.

Mặc dù, nhiều lần nhắn tin đe dọa, nhưng vẫn không thấy anh N1 trả tiền, nên khoảng tháng 7-2022, N nảy sinh ý định đốt nhà của anh N1, do đó N đến cửa hàng N3 mua 01 bộ hàn đá gió mini, gồm: 01 bình gas, 01 bình oxygen, 01 đầu hàn và hộp đựng bằng nhựa, 07 lít xăng rồi đem về nhà cất giấu, chờ thời cơ thực hiện hành vi phạm tội.

Cuối tháng 7-2022, Nguyễn Văn N đem bộ hàn gió đá đi đến nhà anh N1 rồi cắt thùng một lỗ nhỏ trên cửa sắt thoát hiểm phía sau nhà rồi nhét một miếng vải và châm lửa đốt. Do lửa cháy nhỏ, nên N bỏ về, gia đình anh N1 không phát hiện vụ việc. Đến khoảng 02 giờ ngày 10-8-2022, N tiếp tục điều khiển xe mô tô đem theo bộ hàn gió đá mini đi đến nhà anh N1. N dừng xe ở lề đường gần đó rồi đi bộ ra phía sau nhà anh N1. Đến cửa sắt thoát hiểm phía sau, N sử dụng bộ hàn gió đá cắt rộng lỗ thùng trên cửa sắt thoát hiểm (đã cắt trước đó) đủ nhét ống nhựa để đổ xăng vào nhà. Khi cắt xong, N thu gom bộ dụng cụ rồi quay trở về nhà cất giấu. Sau đó, N lấy can nhựa có chứa khoảng 07 lít xăng từ trên gác nhà

đã chuẩn bị từ trước rồi quay lại vị trí cửa thoát hiểm phía sau nhà anh N1, N sử dụng đoạn ống nhựa tự chế một đầu vào can xăng, một đầu luồn qua lỗ thủng trên cửa sắt thoát hiểm rồi đổ hết 07 lít xăng vào nhà anh N1 qua ống nhựa trên. Tiếp đó, N đặt can nhựa rỗng sát cửa thoát hiểm và dùng bật lửa mang theo châm lửa đốt áo thun màu xanh đã được tẩm xăng, ném về phía can xăng. Khi thấy lửa cháy, N điều khiển xe mô tô quay về nhà của mình. Lúc này, chị Trần Thị H (vợ anh N1) phát hiện nhà bị cháy nên hô hoán, cùng anh N1 và hai con là Trần Văn T và Trần Thị Mỹ T1 mở cửa trước để thoát ra ngoài và dập lửa.

Sau khi châm lửa đốt nhà anh N1 xong, N về nhà tắm rửa, thay quần áo. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô mang theo mũ bảo hiểm, mũ lưỡi trai, áo thun, quần jean, đôi giày sử dụng lúc đi gây án cho vào túi nylon cùng với bộ hàn gió đá vứt bỏ nhiều nơi, nhằm che giấu hành vi phạm.

Tại Bản kết luận giám định số 1169/KL-KTHS ngày 30-8-2022, Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

Các mẫu vật gửi giám định gồm mẫu lá cây khô và đất cát; mảnh vải màu xanh bị than hóa; 03 mảnh nhựa màu xanh và màu trắng đã bị biến dạng, than hóa; chổi nhựa màu vàng đỏ đã bị than hóa đều có tìm thấy dấu vết của xăng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 122/KL-ĐGTS ngày 10-10-2022, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận L kết luận:

Các tài sản gồm 01 mảng tường gạch xây; 01 cửa thoát hiểm; 01 bồn vệ sinh; 01 ấm đun nước; 01 chổi bằng nhựa bị hư hỏng do cháy có tổng giá trị là 7.004.408 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HSST ngày 15-4-2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng:

Căn cứ các điểm a, b, l, n khoản 1 Điều 123; d khoản 2 Điều 178; điểm e khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn N 18 (**mười tám**) năm tù về tội “Giết người” và 02 (**hai**) năm tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 20 (**hai mươi**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15-8-2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16-4-2023, Nguyễn Văn N kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 18-4-2023, bị hại là ông Trần Văn N1 và bà Trần Thị H kháng cáo đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo và bị hại kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của bị cáo và của bị hại là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị được giảm hình phạt; bị hại kháng cáo nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại không đồng nghĩa với việc rút kháng cáo, do đó để thực hiện nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt bị hại. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N; chấp nhận kháng cáo của bị hại là ông Trần Văn N1 và bà Trần Thị H.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HSST ngày 15-4-2023 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn N.

Luật sư bào chữa và bị cáo tranh tụng công khai; nói lời sau cùng bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo:

Do cả bị cáo và bị hại đều kháng cáo xin giảm hình phạt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét, giải quyết cùng một nội dung.

[2.1]. Về tội danh:

Chỉ vì bức tức anh Trần Văn N1 không trả tiền nợ cho mình, Nguyễn Văn N đã nhiều lần đe dọa tước đoạt tính mạng của anh N1. Tuy nhiên, do không thấy anh N1 có động thái trả nợ mình, bị cáo đã thực hiện hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khoẻ của gia đình bị hại bằng hình thức đổ xăng rồi châm lửa đốt; do đó, khoảng 02 giờ ngày 10-8-2022, bị cáo đã sử dụng bộ hàn gió đá mini, cắt thùng cửa thoát hiểm phía sau nhà anh N1 và đổ 07 lít xăng theo lỗ thùng vào bên trong nhà rồi châm lửa đốt. Trong nhà, lúc này có vợ chồng anh N1 và 02 con là Trần Văn T và Trần Thị Mỹ T1 (dưới 16 tuổi). Cùng lúc này, gia đình anh N1 đã phát hiện, hô hoán và dập lửa, nên không có thiệt hại về người, nhưng bị thiệt hại về tài sản là 7.004.408 đồng.

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng kết án Nguyễn Văn N về tội “Giết người” theo Điều 123 của Bộ luật Hình sự và tội “Hủy hoại tài sản” theo Điều 178 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về áp dụng pháp luật:

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn N là do bị hại Trần Văn N1 vay tiền của bị cáo; mặc dù, rất nhiều lần đòi nợ, nhắn tin đe dọa, nhưng

bị hại không có thiện chí trả nợ, từ đó đã gây ra ức chế cho bị cáo và mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại kéo dài từ năm 2020 (thời điểm bị cáo cho vay tiền) đến năm 2022 (thời điểm bị cáo phạm tội). Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự; đồng thời, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đổ xăng vào nhà bị hại qua ống nhựa, dùng bật lửa mang theo châm lửa đốt và khi thấy lửa cháy, bị cáo điều khiển xe mô tô về nhà của mình, bỏ mặc cho hậu quả xảy ra. Như vậy, bị cáo phạm tội không thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Quyết tâm phạm tội đến cùng” được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng áp dụng các tình tiết này là bất lợi cho bị cáo. Vì vậy, để thực hiện nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng các tình tiết này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2.3]. Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và có nguy cơ tước đoạt tính mạng của nhiều người; hậu quả, các thành viên trong gia đình anh Trần Văn N1 không chết là do phát hiện và dập lửa kịp thời. Chỉ vì mâu thuẫn trong việc vay nợ tiền, nhiều lần đòi nợ, đe dọa, nhưng anh N1 không trả, bị cáo sẵn sàng giải quyết mâu thuẫn bằng việc sử dụng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người và làm thiệt hại về tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; ảnh hưởng đến trật tự, trị an địa phương, nên cần xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nguyên nhân bị cáo phạm tội một phần cũng do lỗi của bị hại; phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, chưa gây thương tích hoặc tổn hại về sức khỏe cho bị hại; sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản, được bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngoài ra, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ không có việc làm, hai con còn nhỏ và đang nuôi mẹ già hơn 90 tuổi. Do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại, giảm hình phạt về tội “Giết người” cho bị cáo để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N.

- Chấp nhận kháng cáo của bị hại là ông Trần Văn N1 và bà Trần Thị H.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2023/HS-ST ngày 15-4-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng các điểm b, l, n khoản 1 Điều 123; d khoản 2 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn N 14 (**mười bốn**) năm tù về tội “Giết người” và 02 (**hai**) năm tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 16 (**mười sáu**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15-8-2022.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyễn văn N2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- (02 bản, để giao cho bị cáo 01 bản);
- Các bị hại kháng cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường